TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/11/2023
V/v: Xin ly hôn giữa bà lê X và ông Bùi T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông CAO ĐÌNH NHÂN

2/ Bà NGUYỄN THỊ NGỌC.

- Thư ký phiên tòa: Bà TRỊNH THANH VÂN – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà BÙI THỊ LAN- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê X**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố P, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông **Bùi T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 4/5 thôn N, xã L, huyện Đ, Lâm Đồng.

Bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn bà X trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà cùng ông Bùi T kết hôn với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, rượu chè, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc gia đình con cái nên vợ chồng thường xuyên vã nhau. Bà khuyên nhủ, tha thứ cho ông T nhiều lần nhưng ông T không sửa đổi, lâu ngày tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện nay vợ chồng đã ly thân không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Nay bà xác định

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Bùi Ngọc Tường V, sinh ngày 04/01/2022, hiện con chung đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được nuôi con chung cho đến ngày thành niên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung. Bà không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để làm việc và thông báo về việc mở phiên họp và phiên hòa giải, giấy triệu tập đến tham gia phiên họp và phiên hòa giải cho ông T hợp lệ nhưng ông T không có ý kiến gì, ông T không đến Toà án nên Toà án không tiến hành làm việc, phiên họp và hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà X có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, bà yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt bà, bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày trước đây. Ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị xử cho bà X được ly hôn ông T. Về con chung: Giao con chung cho bà X trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Ngọc Tường V, sinh ngày 04/01/2022 cho đến ngày thành niên, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lê X và ông Bùi T.

Về tố tụng dân sự: Bà X có đơn đề nghị Tòa án huyện Đ giải quyết việc hôn nhân của ông bà. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng. Tại phiên tòa hôm nay Tòa án triệu tập bà X và T hợp lệ đến lần thứ hai, bà Xcó đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bà X và ông T.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà X và ông T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Bà X khuyên bảo ông nhiều lần nhưng ông không thay đổi, sửa chữa. Từ đó vợ chồng thường

xuyên xích mích. Vợ chồng sống với nhau thời gian ngắn thì ly thân. Bà X đã chuyển về gia đình ngoại sinh sống khoảng 01 năm nay. Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Toà án triệu tập ông T đến Toà án làm việc, tham gia phiên họp và hoà giải nhiều lần nhưng ông T không đến và không có ý kiến gì điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông bà tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà X được ly hôn ông T là phù hợp, có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Cháu Bùi Ngọc Tường V, sinh ngày 04/01/2022 là con chung của ông bà nên ông bà đều phải có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình tố tụng bà X yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được nuôi con chung cho đến ngày thành niên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T không có ý kiến, yêu cầu gì. Theo khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thoả thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Hiện tại cháu V mới được 22 tháng tuổi, quá trình vợ chồng ly thân thì cháu V ở với bà X ổn định, phát triển bình thường, xét về điều kiện bà X đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho bà X trực tiếp nuôi con chung cho đến ngày thành niên. Do bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp và có căn cứ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà X phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 195, 205, 211, 220, 227, 228, 264, 267 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Lê X được ly hôn ông Bùi T.

2/ Về con chung: Giao cho bà Lê X trực tiếp nuôi con chung tên Bùi Ngọc Tường V, sinh ngày 04/01/2022 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Bùi T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom con chung, thay đổi việc nuôi con chung, quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Lê X phải nộp toàn bộ án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (được trừ vào số tiền 300.000đồng bà X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014439 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng).

4/ Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bà X và ông T có quyền kháng cáo để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG